

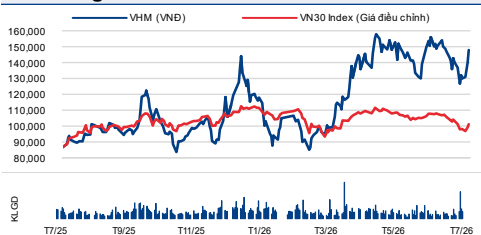
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ157,000
Tiềm năng tăng/giảm: 6.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	148,100
Mã Bloomberg	VHM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	83,685-157,932
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	139,780
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	608,308
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	23,129
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,107
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,013
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,557
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.1%
Tỷ lệ freefloat	15.0%
Cổ đông lớn	Vingroup (73.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (nghìn tỷ đồng)	153	204	314
EBITDA đc (nghìn tỷ đồng)	40.6	98.2	130
LNNT (nghìn tỷ đồng)	52.8	80.8	106
LNT ĐC (nghìn tỷ đồng)	41.9	60.2	74.9
FCF (nghìn tỷ đồng)	25.8	(73.7)	41.6
EPS ĐC (đồng)	10,200	14,662	18,246
DPS (đồng)	0	6,000	0
BVPS (đồng)	57,963	66,625	84,872
T.trưởng EBITDA (%)	(8.32)	142	32.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	31.7	43.7	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	(100)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.5	48.0	41.3
Tỷ suất LNNT (%)	34.5	39.5	33.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	27.3	29.5	23.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	40.9	0
Nợ thuần/VCSH (%)	77.3	118	99.2
ROAE (%)	19.0	23.5	24.1
ROACE (%)	10.5	19.0	21.0
EV/doanh thu (lần)	4.60	4.08	2.71
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.4	8.50	6.57
P/E ĐC (lần)	14.5	10.1	8.12
P/B (lần)	2.56	2.22	1.74
Lợi suất cổ tức (%)	0	4.05	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vinhomes, một công ty con của Vingroup, là công ty phát triển bất động sản nhà ở lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Đoàn Bảo Anh Tuấn
Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Q2/2026: Vượt dự báo; bán buôn tiếp tục là động lực chính

- KQKD Q2/2026 của VHM ghi nhận lợi nhuận thuần đạt 22,6 nghìn tỷ đồng (gấp 2 lần so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 52,7 nghìn tỷ đồng (gấp 1,9 lần so với cùng kỳ). KQKD này cao hơn dự báo của HSC chủ yếu nhờ ghi nhận doanh thu bán buôn tại các dự án mới cao hơn.
- Theo đó, LNST nửa đầu năm 2026 bằng 72% dự báo cả năm 2026 của HSC và 87% kế hoạch cả năm của Công ty (BLĐ cho biết vẫn tự tin hoàn thành kế hoạch). Đòn bẩy tài chính tiếp tục tăng để tài trợ tiền sử dụng đất tại một số đại dự án.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua, VHM đang giao dịch với mức chiết khấu 5,6% so với ước tính RNAV (bình quân 1 năm: 15%) và P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,6 lần (bình quân 3 năm: 5,6 lần). HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 157.000đ (tiềm năng tăng giá 6%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 và gặp gỡ chuyên viên phân tích

VHM đã công bố BCTC Q2/2026 vào ngày 30/7/2026. Trong quý, lợi nhuận thuần đạt 22,6 nghìn tỷ đồng (gấp 2 lần so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 52,7 nghìn tỷ đồng (gấp 1,9 lần so với cùng kỳ), cao hơn dự báo của HSC, chủ yếu nhờ ghi nhận doanh thu bán buôn tại các dự án mới cao hơn.

Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu và LNST bằng lần lượt 80% và 72% dự báo tương ứng cho cả năm 2026 của HSC (lợi nhuận thuần: 57%), cao hơn nhẹ so với kỳ vọng; đồng thời bằng lần lượt 47% và 87% kế hoạch tương ứng cả năm của Công ty.

Bán buôn tiếp tục là động lực chính

Doanh thu bán buôn ghi nhận trong Q2/2026 đạt 37 nghìn tỷ đồng, đóng góp 74% tổng doanh thu (Q2/2025: 0%; năm 2025: 76%), trong đó Vinhomes Green Paradise và Ocean Park 2, 3 đóng góp lớn nhất. VHM không công bố bên mua nhưng BLĐ cho biết Công ty đang tích cực đàm phán thêm các giao dịch bán buôn với cả khách hàng trong và ngoài nước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2 và 6 tháng đầu năm 2026, VHM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	svck	6T25	6T26	svck
Doanh thu thuần	18,316	52,722	188%	34,013	116,566	243%
Lợi nhuận gộp	3,822	34,732	809%	8,980	65,948	634%
Thu nhập tài chính	9,271	4,813	-48%	13,911	9,323	-33%
Chi phí tài chính	(3,443)	(5,293)	54%	(7,302)	(9,085)	24%
Chi phí bán hàng	(218)	(482)	121%	(950)	(854)	-10%
Chi phí quản lý	(948)	(570)	-40%	(2,320)	(1,512)	-35%
Lợi nhuận hoạt động	8,848	33,530	279%	12,684	64,304	407%
LNST	8,225	26,467	222%	10,877	52,092	379%
Lợi nhuận thuần	7,508	22,583	201%	10,197	48,135	372%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	294	(551)	-287.3%	297.7	(589.5)	-298.0%
Lợi nhuận thuần cốt lõi	7,259	23,134	218.7%	9,945	48,725	390.0%

Nguồn: VHM, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh từ khoảng 20,9% trong Q2/2025 lên mức 65,9%, phản ánh tỷ trọng doanh thu bán buôn được ghi nhận cao hơn đáng kể. Bán buôn thường có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn, ở mức 50-60% (so với 30-40% đối với bán lẻ), do giá bán trên cùng một diện tích thấp hơn bán lẻ vì thường chỉ bao gồm giá trị đất và hạ tầng, không bao gồm giá trị xây dựng bất động sản. BLĐ kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân sẽ trở về mức khoảng 40% trong dài hạn.

Các điểm đáng chú ý khác trong KQKD

Trong Q2/2026, **tổng doanh số bán nhà** đạt 66,4 nghìn tỷ đồng, giảm 18,7% so với quý trước (gấp đôi so với cùng kỳ), trong đó các giao dịch bán buôn chiếm 73%, tương đương 48,7 nghìn tỷ đồng. Mức giảm so với cùng kỳ chủ yếu do doanh số bán buôn giảm 25,8% xuống 48,5 nghìn tỷ đồng (so với mức không đáng kể trong Q2/2025).

BLĐ cho rằng tổng giá trị hợp đồng bán hàng giảm so với quý trước là do thời điểm mở bán và thực hiện giao dịch chứ không phải do nhu cầu cơ bản suy yếu; đồng thời nhấn mạnh đã bán hàng tiếp tục tích cực tại Saigon Park và Global Gate Hạ Long.

Về mặt nhu cầu, lãi suất vay mua nhà tăng khiến người mua lựa chọn kỹ hơn, đặc biệt ở phân khúc cao cấp. Theo đó, VHM đẩy mạnh chương trình tài chính với lãi suất cố định (trần 6% trong 5 năm) và điều chỉnh cơ cấu sản phẩm sang phân khúc vừa túi tiền/trung cấp.

Nợ vay tăng do thanh toán tiền sử dụng đất nhưng đòn bẩy tài chính vẫn trong tầm kiểm soát. Nợ vay chịu lãi tăng từ 146,3 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025 lên 215,5 nghìn tỷ đồng tại ngày 30/6, chủ yếu để tài trợ tiền sử dụng đất tại Cam Ranh, Vinhomes Global Gate Hạ Long và Global Sportia, cùng với nguồn vốn từ trái phiếu phát hành tháng 12/2025 để tái cơ cấu nợ.

Nợ vay thuần/vốn CSH tăng từ 35,9% cuối năm 2025 lên 57,1% và tổng nợ vay/tổng tài sản tăng từ mức 18,6% lên 19,4%. Tuy nhiên, hệ số khả năng thanh toán lãi vay trong 12 tháng gần nhất vẫn ở mức tích cực 11,3 lần và 48% nợ vay có lãi suất cố định. BLĐ cho biết đang tích cực đàm phán với các chủ nợ để kéo dài kỳ hạn nợ vay (hiện bình quân là 2,32 năm) trong bối cảnh lãi suất ổn định hơn; các khoản vay ngắn hạn và nợ vay đến hạn trả sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền từ doanh số bán nhà.

Công ty giữ nguyên kế hoạch năm 2026 dù KQKD từ đầu năm tích cực

BLĐ nhắc lại kế hoạch HĐKD năm 2026 gồm LNST 60 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 38%) và doanh thu điều chỉnh 285 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 56%), mặc dù KQKD nửa đầu năm đã bằng lần lượt 87% và 47% các mục tiêu này. Theo đó, LNST nửa cuối năm 2026 giảm 75,2% so với cùng kỳ và doanh thu quy đổi tăng 7,9% so với cùng kỳ.

HSC đánh giá kế hoạch không đổi này là rất thận trọng. Khi cập nhật mô hình, chúng tôi sẽ tìm hiểu thêm về nguồn cung dự kiến trong nửa cuối năm 2026, gồm mở bán các giai đoạn tiếp theo tại Saigon Park, mở bán sản phẩm cao tầng tại Hạ Long và tiếp tục bán buôn tại Green Paradise; cũng như tiến độ các hợp đồng EPC đường sắt đô thị và quyền phát triển dự án TOD gắn với các tuyến đường sắt cao tốc TP.HCM-Cần Giờ và Hà Nội-Quảng Ninh.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 157.000đ

Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua, VHM đang giao dịch với mức chiết khấu 5,6% so với ước tính RNAV (bình quân 1 năm: 15%) và P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,6 lần (bình quân 3 năm: 5,6 lần). HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 157.000đ (tiềm năng tăng giá 6%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	102	153	204	314	348
Lợi nhuận gộp	33.0	46.3	92.7	138	158
Chi phí BH&QL	(8.38)	(8.09)	(9.87)	(11.3)	(11.7)
Thu nhập khác	20.7	-	14.7	3.89	0.68
Chi phí khác	(2.90)	-	(3.94)	(3.94)	(3.94)
EBIT	42.4	38.3	93.6	127	143
Lãi vay thuần	(1.49)	14.2	(12.8)	(20.0)	(24.1)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.00	0.00	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(0.09)	0.37	0	0	0
LN TT	40.8	52.8	80.8	106	119
Chi phí thuế TNDN	(5.78)	(9.48)	(14.1)	(18.6)	(20.9)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(3.27)	(1.44)	(6.44)	(12.9)	(13.0)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	31.8	41.9	60.2	74.9	85.5
Lợi nhuận thuần ĐC	31.8	41.9	60.2	74.9	85.5
EBITDA ĐC	44.2	40.6	98.2	130	147
EPS (đồng)	7,742	10,200	14,662	18,246	20,805
EPS ĐC (đồng)	7,743	10,200	14,662	18,246	20,805
DPS (đồng)	0	0	6,000	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	28.8	50.0	16.1	70.6	51.8
Đầu tư ngắn hạn	5.39	2.26	2.26	2.26	2.26
Phải thu khách hàng	168	220	246	313	334
Hàng tồn kho	54.7	131	257	289	329
Các tài sản ngắn hạn khác	28.2	93.3	113	116	117
Tổng tài sản ngắn hạn	285	497	634	791	835
TSCĐ hữu hình	13.6	21.3	14.2	15.0	15.8
TSCĐ vô hình	1.00	1.02	1.13	1.15	1.19
Bất động sản đầu tư	16.9	15.9	25.3	28.0	31.0
Đầu tư dài hạn	12.3	12.2	12.2	12.2	12.2
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19
Tài sản dài hạn khác	235	240	287	348	473
Tổng tài sản dài hạn	279	291	340	405	533
Tổng cộng tài sản	564	788	974	1,196	1,368
Nợ ngắn hạn	34.3	43.4	84.0	126	109
Phải trả người bán	20.0	20.0	25.8	22.7	25.0
Nợ ngắn hạn khác	169	178	210	266	294
Tổng nợ ngắn hạn	279	343	432	535	573
Nợ dài hạn	47.0	103	159	189	225
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.46	2.17	2.17	2.17	2.17
Nợ dài hạn khác	14.2	88.4	88.4	88.4	88.4
Tổng nợ dài hạn	62.7	194	249	280	316
Tổng nợ phải trả	343	539	683	817	891
Vốn chủ sở hữu	203	238	274	349	434
Lợi ích cổ đông thiểu số	18.1	11.1	17.6	30.5	43.5
Tổng vốn chủ sở hữu	221	249	291	379	478
Tổng nợ phải trả và VCSH	564	788	974	1,196	1,368
BVPS (đ)	49,334	57,963	66,625	84,872	105,677
Nợ thuần*/(tiền mặt)	52.5	96.4	226	244	282

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	42.4	38.3	93.6	127	143
Khấu hao	(1.80)	(2.30)	(4.64)	(3.22)	(3.66)
Lãi vay thuần	(1.49)	14.2	(12.8)	(20.0)	(24.1)
Thuế TNDN đã nộp	(6.98)	(7.67)	(14.1)	(18.6)	(20.9)
Thay đổi vốn lưu động	(29.1)	24.4	(123)	(40.4)	(8.68)
Khác	(38.1)	(27.3)	(52.9)	(56.5)	(66.1)
LCT thuần từ HĐKD	(22.4)	41.2	(66.7)	48.4	89.8
Đầu tư TS dài hạn	(10.6)	(15.4)	(7.02)	(6.82)	(7.36)
Góp vốn & đầu tư	(38.4)	(135)	(31.7)	(59.2)	(121)
Thanh lý	68.3	30.0	0	0	0
Khác	6.11	42.7	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	25.4	(78.1)	(38.8)	(66.0)	(128)
Cổ tức trả cho CSH	(0.61)	(1.13)	(24.6)	0	0
Thu từ phát hành CP	(10.5)	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	22.8	59.2	96.2	72.1	19.5
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	11.7	58.1	71.6	72.1	19.5
Tiền & tương đương tiền đầu kì	14.1	28.8	50.0	16.1	70.6
LCT thuần trong kỳ	14.7	21.2	(33.9)	54.5	(18.9)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	28.8	50.0	16.1	70.6	51.8
Dòng tiền tự do	(33.0)	25.8	(73.7)	41.6	82.4

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	32.2	30.2	45.3	43.9	45.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	43.2	26.5	48.0	41.3	42.2
Tỷ suất LNT (%)	31.1	27.3	29.5	23.8	24.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.1	17.9	17.5	17.5	17.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.19)	49.8	33.4	53.7	10.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	5.19	(8.32)	142	32.1	13.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.73)	31.7	43.7	24.4	14.0
Tăng trưởng EPS (%)	(4.71)	31.7	43.7	24.4	14.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(4.73)	31.7	43.7	24.4	14.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	40.9	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.7	19.0	23.5	24.1	21.8
ROACE (%)	16.3	10.5	19.0	21.0	19.7
Vòng quay tài sản (lần)	0.20	0.23	0.23	0.29	0.27
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.53)	1.08	(0.71)	0.38	0.63
Số ngày tồn kho	288	449	838	598	633
Số ngày phải thu	886	751	805	647	642
Số ngày phải trả	105	68.1	84.1	46.9	48.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	45.8	77.3	118	99.2	93.7
Nợ/tài sản (%)	21.5	29.7	34.7	34.8	33.5
EBIT/lãi vay (lần)	28.4	N/a	7.34	6.31	5.95
Nợ/EBITDA (lần)	2.75	5.77	3.44	3.21	3.12
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.02	1.45	1.47	1.48	1.46
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.46	4.60	4.08	2.71	2.56
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.9	17.4	8.50	6.57	6.05
P/E (lần)	19.1	14.5	10.1	8.12	7.12
P/E ĐC (lần)	19.1	14.5	10.1	8.12	7.12
P/B (lần)	3.00	2.56	2.22	1.74	1.40
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	4.05	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn